

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 10/2018/DS – ST

Ngày: 26/4/2018

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng*

Vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Lâm Mây

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên

Ngày 26/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2017/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thu B – sinh năm: 1956

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thiết H – sinh năm 1960

(Văn bản ủy quyền ngày 01/02/2018).

Địa chỉ: Số 82, đường L, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ch – sinh năm: 1971

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị Kh – sinh năm: 1971

KHTT: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 21/6/2017 bà B có cho bà Lê Thị Ch vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), vay 01 lần. Khi vay có lập hợp đồng vay và có công chứng tại phòng công chứng Vi

Văn T. Thời hạn vay 02 tháng, (hạn trả là ngày 21/8/2017). Thỏa thuận miệng lãi xuất 6%/tháng. Mục đích vay ghi trong hợp đồng là sản xuất kinh tế gia đình, nhưng thực tế bà Ch sử dụng vào việc gì thì bà B không biết. Trong thời gian vay, bà Ch đã trả được 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tiền lãi. Đến hạn, bà Ch không trả nên bà B đã đòi nhiều lần. Khi đến nhà đòi nợ, có gặp chồng bà Ch là ông Đới Ích D, ông D nói không biết việc vay của bà Ch. Nay bà B yêu cầu bà Ch trả số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) đã vay, trả 01 lần, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Lê Thị Ch trình bày: Ngày 25/8/2016 bà Ch có vay của bà Trần Thu B số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), có viết giấy vay (giấy tay). Số tiền này bà Ch vay dùm bà Kh – bà Kh viết giấy vay riêng với bà Ch. Lãi thỏa thuận miệng với bà B lúc đầu là 9%/tháng, sau đó bà B giảm xuống còn 6%/tháng. Lãi do bà Kh trả cho bà B nên bà Ch không lấy tiền lãi của bà Kh. Số tiền lãi đã trả từ lúc vay đến trước ngày 21/6/2017 khoảng 109.000.000đ (*Một trăm lẻ chín triệu đồng*). Sau đó, do chưa trả được tiền gốc nên bà B thỏa thuận bỏ giấy tay và lập hợp đồng vay vào ngày 21/6/2017, nội dung: bà Ch vay của bà B số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), thời hạn vay 02 tháng (tức là đến ngày 21/8/2017 sẽ trả), mục đích vay ghi trong hợp đồng là sản xuất kinh tế gia đình. Lãi thỏa thuận miệng 6%/tháng. Việc bà Ch vay tiền ông Đới Ích D không biết. Từ khi lập hợp đồng, bà Ch trả được 02 tháng tiền lãi là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Nay bà Ch đồng ý trả nợ cho bà B, tuy nhiên do số tiền lãi trả cho bà B đã nhiều nên bà Ch yêu cầu khấu trừ tiền lãi 12.000.000đ vào tiền gốc của số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) đã vay của bà B. Bà Ch sẽ trả cho bà B số tiền 88.000.000đ (*Tám mươi tám triệu đồng*), mỗi tháng trả 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Người có quyền lợi liên quan bà Bùi Thị Kh trình bày: Ngày 25/8/2016 bà Kh nhờ bà Ch vay 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), bà Ch vay của bà B để đưa cho bà Kh, tuy nhiên bà Kh viết giấy vay với bà Ch, lãi thỏa thuận 3.000đ/triệu/ngày (9%/ tháng). Bà Kh trả lãi cho bà B.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đới Ích D cho rằng không biết việc bà Ch vay tiền của bà B, bà Ch cũng không mang tiền về nhà nên ông D không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà Ch.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ quy định về pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu B. Buộc bà Lê Thị Ch trả cho bà B số tiền 88.000.000đ (*Tám mươi tám triệu đồng*) như đã thỏa thuận.

Về án phí: Bà Ch phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thu B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị Ch trả số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) đã vay nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Ch có hộ khẩu thường trú xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, hợp đồng vay, bản tự khai, biên bản đối chất, hòa giải của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng ngày 21/6/2017 bà Trần Thu B có cho bà Lê Thị Ch vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), hợp đồng đã được công chứng, thời hạn vay là 02 tháng, mục đích vay ghi trong hợp đồng là sản xuất kinh tế gia đình.

Bà Ch cho rằng bà Ch vay của bà B số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) là từ tháng 8/2016 – vay dùm bà Bùi Thị Kh. Do không trả được nợ gốc nên đến ngày 21/6/2017 bà B và bà Ch thống nhất lập lại hợp đồng vay, trong đó thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, mục đích để sản xuất kinh tế gia đình, tuy nhiên không phải để sản xuất kinh tế gia đình. Từ khi lập hợp đồng, bà Ch trả cho bà B 02 tháng tiền lãi là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Ông Đới Ích D - chồng bà Ch không thống nhất vay sản xuất kinh tế gia đình mà bà Ch vay làm gì, thời gian nào ông D không biết, nên ông D không đồng ý cùng bà Ch trả.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B cũng thừa nhận giao dịch vay mượn, làm hợp đồng ngày 21/6/2017 chỉ có bà Ch, còn ông D không biết. Do đó có căn cứ xác định bà Ch có vay của bà B số tiền 100.000.000 đ (*Một trăm triệu đồng*). Đối với việc bà Ch vay dùm bà Kh, bà B cho rằng không biết và chỉ thừa nhận đã nhận số tiền lãi là 12.000.000đ.

Tại phiên tòa bà Ch thống nhất bà Ch chịu trách nhiệm trả nợ cho bà B. Tuy nhiên, bà Ch yêu cầu được khấu trừ 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) tiền lãi vào tiền gốc, bà Ch sẽ trả cho bà B số tiền 88.000.000đ, mỗi tháng trả 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa bà B cũng đồng ý khấu trừ tiền lãi vào tiền gốc như ý kiến bà Ch. Bà B đồng ý việc bà Ch trả 88.000.000đ (*Tám mươi tám triệu đồng*), nhưng phải trả một lần.

Như vậy hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trả số tiền 88.000.000đ của các đương sự. Đối với yêu cầu của bà Ch trả mỗi tháng 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) do bà

B không đồng ý nên cần buộc bà Ch phải trả cho bà B 88.000.000đ (*Tám mươi tám triệu đồng*), trả một lần.

Đối với việc vay mượn giữa bà Kh và bà Ch có lập hợp đồng vay riêng và không có yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Các Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu B đối với bà Lê Thị Ch về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.
- Buộc bà Lê Thị Ch phải trả cho bà Trần Thu B số tiền 88.000.000đ (*Tám mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Ch phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.400.000đ (*Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Bà B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà B số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0014964 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự
- THADS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh